

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đức Hạnh**.

Ông **Nguyễn Văn Hoàn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 289/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 1, thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản tại Tòa án: Chị Phạm Thị Phương T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Lô A, khu 1, phường B, D, tỉnh Hải Dương (Theo giấy ủy quyền ngày 16/11/2021 và đã được Đại sứ quán CHXNCN Việt Nam tại Nhật Bản xác nhận ngày 17/11/2021).

2. Bị đơn: Anh **Phùng Văn S**, sinh năm 1990.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thị Thu H** trình bày: Chị và anh **Phùng Văn S** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Anh, chị đã sống ly thân từ lâu và không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phùng Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phùng Hà T1, sinh ngày 19/9/2011, hiện con đang ở với anh S. Chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Nhật Bản, chị ủy quyền cho chị Phạm Thị Phương T thay mặt chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Phùng Văn S trình bày:* Anh và chị Phạm Thị Thu H có quan hệ hôn nhân như chị H trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, sau khoảng một năm anh cũng sang Nhật Bản làm ăn, nhưng do công việc khác nhau nên vợ chồng mỗi người ở một nơi. Đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, không thống nhất được về kinh tế và cũng không có tiếng nói chung. Anh về nước từ năm 2018, còn chị H vẫn đang làm ăn tại Nhật Bản, vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. Nay, chị H có đơn xin ly hôn, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh, chị có một con chung là Phùng Hà T1, sinh ngày 19/9/2011, hiện con đang ở với anh. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại chị H không có mặt tại Việt Nam, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh không nhất trí giao con cho chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, chị Phạm Thị Phương T trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị Phạm Thị Thu H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh S. Về việc nuôi con chị H nhất trí giao con Phùng Hà T1 cho anh S nuôi dưỡng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Con chung của chị Hiền, anh S là Phùng Hà T1 có nguyện vọng được ở với anh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu H ly hôn anh Phùng Văn S. Về con chung: Giao cháu Phùng Hà T1 cho anh S nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở Đội 1, thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền của chị H gửi về đều có xác nhận của Đại sứ quán CHXNCN Việt Nam tại Nhật Bản. Bị đơn anh Phùng Văn S hiện đang cư trú tại thôn M, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Hiền, anh S đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Phùng Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 16/3/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 3 năm thì cùng sang Nhật Bản lao động. Tuy nhiên do công việc nên anh, chị không sống cùng nhau. Đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không có tiếng nói chung, không thống nhất được với nhau về kinh tế, nên năm 2018 anh S đã về nước còn chị H vẫn tiếp tục ở lại Nhật Bản. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị H và anh S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh S cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Thu H và anh Phùng Văn S có một con chung là Phùng Hà T1, sinh ngày 19/9/2011, hiện con đang ở với anh S. Do chị H hiện không ở Việt Nam và không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con chung nên chị đã nhất trí giao con chung cho anh S nuôi dưỡng. Anh S cũng có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp

dưỡng tiên nuôi con chung. Hội đồng xét xử sự thoả thuận của chị Hiền, anh S phù hợp với nguyện vọng của cháu Trúc, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiên nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hiền, anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu H ly hôn anh Phùng Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Phùng Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phùng Hà T1, sinh ngày 19/9/2011 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiên nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Thu H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004638 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phùng Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền